

Số 06/2024/QĐST-VDS

Bắc Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Mạnh Thắng

Thư ký phiên họp: Ông Lê Hoàng Tùng – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên họp: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 07/2024/TLST-VDS ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-VDS ngày 19 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên họp số: 01/2024/QĐST-VDS ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

* *Người yêu cầu:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1994, địa chỉ: Tổ I, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Đỗ Thị H2, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

- Công ty TNHH V, địa chỉ: Lô A, cụm C, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt).

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Q – Phó giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

(Có đơn đề nghị mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Người yêu cầu là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và chị Đỗ Thị H2 có mối quan hệ họ hàng với nhau, tháng 12/2014 chị H2 đã sử dụng chứng minh thư nhân dân và thông tin cá nhân của chị để ký hợp đồng lao động tại Công ty TNHH V (Công ty V), địa chỉ: Lô A, cụm C, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, đến hết tháng 5/2015 chị H2 nghỉ việc tại Công ty V. Chị H2 đã lao động tại Công ty V và đóng bảo hiểm từ tháng 12/2014 đến hết tháng 5/2015, theo sổ bảo hiểm xã hội 2415000276 do Bảo hiểm xã hội thành phố B cấp ngày 16/3/2015 mang tên chị là Nguyễn Thị H. Bản thân chị lao động tại Công ty TNHH C- Chi nhánh Q1, tỉnh Bắc Ninh từ tháng 7/2014 đến hết tháng 12/2016 và từ tháng 02/2020 đến hết tháng 8/2020; từ 01/7/2017 đến hết tháng 12/2018 chị lao động tại Công ty TNHH C- Chi nhánh T, tỉnh Bắc Ninh, được cấp sổ hiểm xã hội 2714059875 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 13/4/2017 mang tên chị là Nguyễn Thị H. Do đó, khi chị liên hệ làm thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm thì không thể giải quyết được do có 02 sổ bảo hiểm xã hội mang tên chị có chung thời gian từ tháng 12/2014 đến hết tháng 5/2015.

Do vậy, chị đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH V với chị Đỗ Thị H2, thời điểm thực hiện hợp đồng lao động từ tháng 12/2014 đến hết tháng 5/2015. (Khi ký hợp đồng lao động chị Đỗ Thị H2 sử dụng tên là Nguyễn Thị H, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, sổ bảo hiểm xã hội 2415000276 do Bảo hiểm xã hội thành phố B cấp ngày 16/3/2015 mang tên Nguyễn Thị H)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H3 trình bày: Chị và chị Nguyễn Thị H có mối quan hệ họ hàng, năm 2014 chị có nhu cầu đi lao động, nhưng không đủ tuổi nên đã mượn chứng minh thư của chị Nguyễn Thị H, sử dụng tên chị H để xin làm việc tại Công ty TNHH V, tháng 12/2014 chị ký hợp đồng lao động thời hạn 12 tháng với Công ty, làm công nhân về linh kiện điện thoại, đến hết tháng 5/2015 chị xin nghỉ việc tại Công ty. Quá trình lao động tại Công ty, chị có tham gia bảo hiểm xã hội và được cấp sổ bảo hiểm xã hội 2415000276 do Bảo hiểm xã hội thành phố B cấp ngày 16/3/2015 mang tên Nguyễn Thị H, Nay chị H đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng lao động ký kết giữa chị nhưng lấy tên Nguyễn Thị H với Công ty TNHH V, thì chị nhất trí với yêu cầu của chị H. Đối với hậu quả hợp đồng vô hiệu chị không có yêu cầu gì.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh B trình bày: Chị Nguyễn Thị H có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội với 2 mã số BHXH: số

2415000276 có quá trình tham gia từ tháng 12/2014 đến tháng 5/2015 tại Công ty V và số 2714059875 có quá trình tham gia từ tháng 7/2014 đến tháng 5/2015 tại Công ty TNHH C- Chi nhánh Q1, tỉnh Bắc Ninh từ tháng 7/2014 đến tháng 8/2020, trùng thời gian 06 tháng từ tháng 12/2014 đến tháng 5/2015. Đối với việc chị H đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng lao động ký kết giữa chị H3 nhưng lấy tên Nguyễn Thị H với Công ty TNHH V, Bảo hiểm xã hội tỉnh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH V, trong quá trình Tòa án giải quyết việc dân sự đã thông báo làm việc, phiên họp nhưng đều vắng mặt, không có quan điểm gì. Ngày 20/8/2024 Công ty TNHH V cung cấp cho Tòa án bản sao Hợp đồng lao động số 160-2014-CN/VMC-LĐ ngày 01/12/2014 theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 134/2024/QĐ-CCTLCC ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Tại phiên họp, Thẩm phán chủ tọa phiên họp công bố toàn bộ nội dung việc dân sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Thư ký, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung đề nghị áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 122; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b khoản 1, 2, 3 Điều 50; Điều 51, Điều 52 Bộ luật lao động năm 2012; khoản 1 Điều 33; điểm v khoản 2 Điều 39; điểm g, khoản 1 Điều 40; Điều 149; Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 36, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung việc dân sự, đề nghị giải quyết như sau:

+ Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị H: Tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị Đỗ Thị H2 (khi ký kết lấy tên Nguyễn Thị H) và Công ty TNHH V trong thời gian từ tháng 12/2014 đến hết tháng 5/2015 là vô hiệu.

+ Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự; người lao động và Công ty TNHH V đã ký hợp đồng lao động tại công ty tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Tại phiên họp người yêu cầu, đại diện của người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Đỗ Thị H2 (khi ký kết lấy tên Nguyễn Thị H) và Công ty TNHH V trong thời gian từ tháng 12/2014 đến hết tháng 5/2015 vô hiệu thì thấy:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu do các đương sự cung cấp, đủ căn cứ xác định, do có mối quan hệ họ hàng giữa chị Nguyễn Thị H và chị Đỗ Thị H2 nên chị Đỗ Thị H2 có mượn thông tin cá nhân của chị Nguyễn Thị H để thực hiện giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V theo hợp đồng lao động số 160-2014-CN/VMC-LĐ ngày 01/12/2014, thời gian lao động từ tháng 12/2014 đến tháng 5/2015 thì chấm dứt hợp đồng lao động.

Theo văn bản số 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và B hướng dẫn về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động thì thấy: Việc chị Đỗ Thị H2 mượn giấy tờ của chị Nguyễn Thị H để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH V là hành vi vi phạm nguyên tắc “*trung thực*” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Nguyễn Thị H là phù hợp pháp luật và cần được chấp nhận.

- Đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2, Điều 52 Luật lao động năm 2012; Điều 11, Nghị định 43/2013/NĐ - CP; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ thì “*Cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn các bên ký lại*”, tuy nhiên Hợp đồng lao động giữa chị Đỗ Thị H2 (khi ký kết lấy tên Nguyễn Thị H) và Công ty TNHH V đã chấm dứt từ tháng 5 năm 2015, các bên đã giải quyết hết các quyền và nghĩa vụ giữa chủ sử dụng lao động và người lao động, mặt khác đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 50; khoản 2 Điều 52 Luật lao động năm

2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16; điểm b, khoản 1 Điều 49; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, tuyên bố hợp đồng lao động số 160-2014-CN/VMC-LĐ ngày 01/12/2014 giữa chị Đỗ Thị H2 (khi ký kết lấy tên Nguyễn Thị H) với Công ty TNHH V vô hiệu.

2. Về lệ phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền lệ phí nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0001927, ngày 19/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

3. Người yêu cầu, đại diện của người yêu cầu và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang có quyền kháng nghị trong thời hạn 10, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- Liên đoàn LĐ thành phố Bắc Giang;
- Liên đoàn LĐ tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Mạnh Thắng